TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HNGĐ - ST
Ngày:27- 9 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và ông Phạm Anh Tuấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX - ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T (Tức Nguyễn Văn T), sinh năm 1967.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị Thanh V, sinh năm 1975.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Chị V đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh với chị Đào Thị Thanh V kết hôn với nhau từ tháng 12 năm 1994 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn K, xã Đ, huyện P. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng trong cuộc sống, làm ăn kinh tế mỗi người một chí hướng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng lẫn nhau... từ đó thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, thậm chí nhiều lần xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên cũng trong năm 2000 chị Vân đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã P, huyện P sống ly thân anh T từ đó đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do ly thân đã nhiều năm, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị V để cả hai đi tìm hạnh phúc khác.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh L, sinh năm 1996 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng đều không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn chị Đào Thị Thanh V:

Mặc dù đã nhiều lần được triệu tập đến Tòa làm việc cũng như triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng chị V đều vắng mặt không có lý do nên không rõ quan điểm.

Làm việc với bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ chị V): Bà B thừa nhận việc kết hôn, con cái, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đúng như lời anh T đã trình bày trước Tòa. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị V đã bỏ về chung sống với gia đình bà và sống ly thân với anh Thăng từ năm 2000 đến nay. Hiện chị V đang làm ăn tại Hà nội và vẫn đi về địa phương nhưng sợ anh T có thể làm phiền đến cuộc sống và công việc của chị V nên gia đình bà không thể cung cấp địa chỉ cụ thể của chị V cho Tòa án. Phía bà B khẳng định đã trực tiếp giao lại, thông tin lại cho chị V các giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo như cam kết, sau khi nhận được các văn bản nêu trên, chị V nhờ bà chuyển lời đến Tòa án là chị V hoàn toàn đồng ý ly hôn anh T và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị V là UBND xã P, huyện P, xác định:

Tại thời điểm thụ lý giải quyết vụ án, chị Đào Thị Thanh V có hộ khẩu thường trú và đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương, thỉnh thoảng có ra ngoài làm ăn; Việc chị V kết hôn với anh T năm 1994 cũng như việc chị V trở về địa phương sống ly thân với anh T từ năm 2000 đến nay là sự thật; Quá trình tố tụng, Tòa án và UBND xã đã nhiều lần tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho chị V thông qua bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ chị V), bà B đã cam kết giao tận tay cho chị V các văn bản tố tụng nêu trên đồng thời không cung cấp địa chỉ của chị V nên việc chị Vân không chịu đến Tòa làm việc là trường hợp cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho các cơ quan tố tụng;

Quan điểm của UBND xã P là đề nghị Tòa án xử cho anh T được ly hôn chị V để giải phóng cho cả hai bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T và áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Đào Thị Thanh V; con chung của vợ chồng đã trưởng thành phát triển bình thường không

đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung, công nợ chung không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã P, huyện P nên TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Đào Thị Thanh V: Quá trình tố tụng, xác định chị V vẫn đang cư trú sinh sống tại địa phương. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chị V là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân T (tức Nguyễn Văn T) và chị Đào Thị Thanh V là tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng chỉ một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng cùng với sự không hòa hợp tính cách mỗi bên... đã làm nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm của mâu thuẫn là việc chị V bỏ đi khỏi nhà anh T, chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ năm 2000 cho đến nay. Do ly thân nhiều năm, tình cảm không còn, phía anh T có đơn xin ly hôn nhưng phía chị V mặc dù đã nhiều lần được Tòa án triệu tập, hòa giải song đều cố tình lẩn tránh không chịu đến Tòa làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, phía anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã quá trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian ly thân đã lâu (gần 20 năm), từ cả hai phía không còn ai mong muốn đoàn tụ, do vậy mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, hôn nhân từ lâu tồn tại chỉ là hình thức.... Vì vậy, yêu cầu của anh T xin được ly hôn chị V là có cơ sở nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh L, sinh năm 1996 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa không xét.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Mặc dù phía anh T không yêu cầu, song, quá trình giải quyết vụ án, do chị V không đến Tòa làm việc nên chưa có đầy đủ căn cứ xác định được tài sản chung, công nợ chung của anh T chị V; để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên phần tài sản, công nợ chung cần tách ra chưa xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Anh Nguyễn Xuân T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho anh Nguyễn Xuân T (tức Nguyễn Văn T) được ly hôn chị Đào Thị Thanh V.

2. Anh Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005456 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong